

Đắk Nông, ngày 25 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020
của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao dự toán ngân sách năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GD và các PGD Sở;
- Văn phòng Sở;
- Trung tâm TT,KT&UD KHCN;
- Lưu VT, VP.

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông

Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 210/QĐ-SKHHCN ngày 25 /12 /2019

ĐVT: nghìn đồng

Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
			Văn Phòng Sở	Trung tâm thông tin và ứng dụng KHCN
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu sự nghiệp	590.000	590.000	40.000	550.000
1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	590.000	590.000	40.000	550.000
1.1 Thu phí, lệ phí	40.000	40.000	40.000	
1.2 Thu sự nghiệp	550.000	550.000		550.000
2. Chi từ số thu được để lại	582.000	582.000	32.000	550.000
<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL 40% số thu được để lại</i>	<i>21.000</i>	<i>21.000</i>	<i>13.000</i>	<i>8.000</i>
3. Số nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
1.1 Thu phí, lệ phí				
1.2 Thu sự nghiệp				
II Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.686.000	6.949.000	5.671.600	1.277.400
1. Kinh phí thường xuyên (tự chủ)	6.454.000	6.454.000	5.191.000	1.263.000
1.1 Quản lý hành chính (L340-K341)	5.191.000	5.191.000	5.191.000	-
- Quỹ lương	4.066.000	4.066.000	4.066.000	
- Chi thường xuyên theo định mức	891.000	891.000	891.000	
- Kinh phí hoạt động của hợp đồng theo Nghị định 68	214.000	214.000	214.000	
- Kinh phí may trang phục thanh tra	20.000	20.000	20.000	
1.2 Sự nghiệp khoa học công nghệ (L100-K103)	1.263.000	1.263.000	-	1.263.000
- Quỹ lương	1.263.000			1.263.000
<i>Trong đó: chưa bao gồm kinh phí thực hiện tiền lương cơ sở lên 1.490.000 đồng/tháng được sử dụng từ nguồn thu để lại chưa sử dụng lũy kế đến hết năm 2019</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>		<i>40.000</i>
- Chi thường xuyên theo định mức		-		
2. Kinh phí không thường xuyên	10.232.000	495.000	480.600	14.400
2.1 Sự nghiệp kinh tế (L280-K338)	450.000	450.000	450.000	-
<i>- Kinh phí triển khai Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong năm 2020 (mua sắm tài sản)</i>	<i>450.000</i>	<i>450.000</i>	<i>450.000</i>	
2.2 Chi sự nghiệp Đào tạo (L070-K083)	45.000	45.000	30.600	14.400
2.3 Sự nghiệp khoa học công nghệ (L100-K103)	9.737.000			
2.3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.3.2 Kinh phí các nhiệm vụ khác				